

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 02 - 8 - 2023

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Mâm.

2. Ông Hồ Tùng Mận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Quyên - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 02 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2023/TLST-HNGĐ ngày 22/02/2023 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 26/6/2023, quyết định hoãn phiên tòa số 124/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17/7/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Ngô Thị Nguyễn Thanh N – sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn 2, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 31/7/2023).

*** Bị đơn:** Ông Quang Nhật L – sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số nhà 30, thôn 2, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Ngô Thị Nguyễn Thanh N trình bày:

Tôi và ông Quang Nhật L kết hôn với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào

ngày 15/5/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung khắc. Nay do tình cảm yêu thương của vợ chồng và hạnh phúc gia đình không còn nên tôi xin ly hôn ông Quang Nhật L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Quang Hà A - sinh ngày 31/7/2012 và Quang Nhã P – sinh ngày 09/4/2018.

Bà N xin giao cả hai con chung là cháu Quang Hà A và Quang Nhã P cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không có ý kiến gì.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Quang Nhật L trình bày:

Ông L và bà Ngô Thị Nguyễn Thanh N kết hôn với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 15/5/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung khắc. Nhưng nay ông L vẫn chưa đồng ý ly hôn vì một số nguyên nhân.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Quang Hà A- sinh ngày 31/7/2012 và Quang Nhã P – sinh ngày 09/4/2018.

Ông L xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai con chung là cháu Quang Hà A và Quang Nhã P đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông L không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông L và bà N sẽ tự thỏa thuận giải quyết với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương:

Về mâu thuẫn vợ chồng: Trước đây, chính quyền địa phương không được nghe thông tin về mâu thuẫn giữa chị Ngô Thị Nguyễn Thanh N và anh Quang Nhật L. Nhưng từ đầu năm 2023, giữa bà N ông L đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã. Khoảng tháng 3/2023 giữa các bên có xảy ra cãi vã gay gắt, gia đình có báo đề nghị Công an xã H xuống lập biên bản giải quyết, có sự chứng kiến của trưởng thôn 2. Kể từ đó bà N cũng chuyển hẳn đi khỏi nhà không còn chung sống cùng ông L và các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Ngô Thị Nguyễn Thanh N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Quang Nhật L, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Ngô Thị Nguyễn Thanh N có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Quang Nhật L vắng mặt không có lý do lần thứ hai, nên Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử vắng mặt bà Ngô Thị Nguyễn Thanh N, ông Quang Nhật L là phù hợp theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

[3] Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Nguyễn Thanh N và ông Quang Nhật L đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 15/5/2012, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, nên giữa bà Ngô Thị Nguyễn Thanh N và ông Quang Nhật L xảy ra mâu thuẫn. Bà Ngô Thị Nguyễn Thanh N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Quang Nhật L.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Ngô Thị Nguyễn Thanh N và ông Quang Nhật L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc bà Ngô Thị Nguyễn Thanh N yêu cầu ly hôn với ông Quang Nhật L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Bà Ngô Thị Nguyễn Thanh N và ông Quang Nhật L có hai con chung là Quang Hà A - sinh ngày 31/7/2012 và Quang Nhã P – sinh ngày 09/4/2018. Hội đồng xét xử xét thấy, ông Quang Nhật L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành và bà Ngô Thị Nguyễn Thanh N cũng đồng ý. Xét nguyện vọng của cháu Quang Hà A cũng muốn được ở với ông L. Do đó vì quyền lợi cũng như đảm bảo sự phát triển ổn định tâm sinh lý của trẻ, cần giao cháu Quang Hà A và Quang Nhã

P cho ông Quang Nhật L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ngô Thị Nguyễn Thanh N và ông Quang Nhật L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Ngô Thị Nguyễn Thanh N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 241; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Nguyễn Thanh N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Nguyễn Thanh N được ly hôn với ông Quang Nhật L.

- Về con chung: Giao con chung Quang Hà A - sinh ngày 31/7/2012 và Quang Nhã P – sinh ngày 09/4/2018 cho ông Quang Nhật L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành.

Bà Ngô Thị Nguyễn Thanh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Ngô Thị Nguyễn Thanh N và ông Quang Nhật L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ngô Thị Nguyễn Thanh N và ông Quang Nhật L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Ngô Thị Nguyễn Thanh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2022/0000206 ngày 14 tháng 02 năm 2023.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP BMT;
- Chi cục THADS TP B;
- UBND x. H, TP. B, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Trương Thị Đông